**BỘ ĐỀ THI 140 CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM VÒNG SƠ KHẢO**

**HỘI THI “CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC GIỎI, THÂN THIỆN, SÁNG TẠO TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ”**

**NĂM 2023**

**Câu 1: Theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011, chủ thể nào sau đây có quyền khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình?**

1. Công dân, cơ quan, tổ chức
2. Cán bộ, công chức
3. Cả A, B đều sai
4. Cả a, b đều đúng

**Câu 2: Theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011, khiếu nại có thể được thực hiện thông qua bằng những hình thức nào sau đây ?**

1. Đơn khiếu nại hoặc khiếu nại trực tiếp
2. Điện thoại
3. Thông qua mạng internet
4. Cả a, b, c đều đúng

**Câu** **3: Theo quy định pháp luật về khiếu nại, hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm?**

A. Cản trở, gây phiền hà cho người thực hiện quyền khiếu nại; đe doạ, trả thù, trù dập người khiếu nại

B. Sửa đổi hoặc hủy bỏ quyết định hành chính, chấm dứt hành vi hành chính bị khiếu nại

C. Khiếu nại lần hai hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Toà án theo quy định của Luật tố tụng hành chính

D. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 4: Theo quy định pháp luật về khiếu nại, người khiếu nại có quyền?**

A. Nhờ luật sư tư vấn về pháp luật hoặc ủy quyền cho luật sư khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình

B. Được biết, đọc, sao chụp, sao chép, tài liệu, chứng cứ do người giải quyết khiếu nại thu thập để giải quyết khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước

C. Khiếu nại lần hai hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Toà án theo quy định của Luật tố tụng hành chính

D. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 5: Theo quy định pháp luật về khiếu nại, một trong các trường hợp khiếu nại không được thụ lý giải quyết?**

1. Người đại diện hợp pháp thực hiện việc khiếu nại
2. Đơn khiếu nại có chữ ký hoặc điểm chỉ của người khiếu nại
3. Thời hiệu, thời hạn khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng
4. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 6:** **Theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cóthẩm quyền?**

A. Giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính của mình

B. Giải quyết khiếu nại lần đầu đối với hành vi hành chính của mình

C. Giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết

D. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 7: Theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền?**

A. Giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình

B. Giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc sở và cấp tương đương đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết

C. Giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giải quyết khiếu nại giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình

D. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 8: Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầutheo quy định pháp luật về khiếu nại?**

A. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý

B. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 90 ngày, kể từ ngày thụ lý

C. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 90 ngày, kể từ ngày thụ lý

D. Cả a, b, c đều sai

**Câu 9: Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm nào sau đây?**

A. Sau 15 ngày, kể từ ngày ban hành; đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá 30 ngày

B. Sau 15 ngày, kể từ ngày ban hành mà người khiếu nại không khiếu nại lần hai; đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày

C. Sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành mà người khiếu nại không khiếu nại lần hai; đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày

D. Sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành mà người khiếu nại không khiếu nại lần hai; đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày

**Câu 10:** **Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai có hiệu lực pháp luậtkể từ thời điểm nào sau đây?**

A. Sau 15 ngày, kể từ ngày ban hành; đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kếo dài hơn nhưng không quá 30 ngày

B. Sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành; đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kếo dài hơn nhưng không quá 45 ngày

C. Sau 45 ngày, kể từ ngày ban hành; đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kếo dài hơn nhưng không quá 60 ngày

D. Sau 60 ngày, kể từ ngày ban hành; đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kếo dài hơn nhưng không quá 90 ngày

**Câu 11: Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu phải thụ lý giải quyết khiếu nại trong thời hạn bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định?**

A. Trong thời hạn 10 ngày

B.Trong thời hạn 10 ngày làm việc

C. Trong thời hạn 15 ngày

D. Trong thời hạn 15 ngàylàm việc

**Câu 12: Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai phải thụ lý giải quyết khiếu nại trong thời hạn bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định?**

A. Trong thời hạn 07 ngày

B. Trong thời hạn 10 ngày

C. Trong thời hạn 30 ngày

D. Trong thời hạn 45 ngày

**Câu 13: Theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011, quyết định giải quyết khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính phải được gửi cho người khiếu nạitrong thời hạn?**

A. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai

B. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai

C. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai

D. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai

**Câu 14: Cơ quan nào sau đây có trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại của các cơ quan hành chính nhà nước trong phạm vi cả nước?**

1. Thanh tra Chính phủ
2. Tổng Thanh tra Chính phủ
3. Chính phủ
4. Văn phòng Chính phủ

**Câu 15. Luật Tố cáo năm 2018 có hiệu lực kể từ ngày tháng năm nào?**

A. 01/01/2018

B. 01/7/2018

C. 01/01/2019

D. 01/7/2019

**Câu 16. “Người tố cáo”được hiểu là ?**

A. Cơ quan, tổ chức, cá nhân

B. Cá nhân thực hiện việc tố cáo

C. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi bị tố cáo

D. Cơ quan, tổ chức

**Câu 17. Trong vụ việc tố cáo, trình tự giải quyết tố cáo gồm những nội dung cơ bản nào sau đây?**

A. Thụ lý tố cáo

B. Thụ lý tố cáo; Xác minh nội dung tố cáo

C. Thụ lý tố cáo; Xác minh nội dung tố cáo; Kết luận nội dung tố cáo.

D. Thụ lý tố cáo; Xác minh nội dung tố cáo; Kết luận nội dung tố cáo; Xử lý kết luận nội dung tố cáo của người giải quyết tố cáo.

**Câu 18. Trường hợp tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì trong thời hạn bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được đơn tố cáo, phải chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người tố cáo ?**

A. 5 ngày làm việc

B. 6 ngày làm việc

C. 7 ngày làm việc

D. 8 ngày làm việc

**Câu 19. Theo quy định của Luật Tố cáo năm 2018 thì người tố cáo có nghĩa vụ nào sau đây?**

A. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung tố cáo.

B. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ người tố cáo.

C. Khiếu nại quyết định xử lý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

D. Cả A, B, C đều đúng.

**Câu 20. Người bị tố cáo KHÔNG có quyền nào dưới đây?**

A. Được [ủy quyền](https://trangtinphapluat.com/blog/bai-viet-hay/vuong-mac-phap-luat/chung-thuc-giay-uy-quyen/) cho người khác tham gia giải quyết tố cáo.

B. Được thông báo về nội dung tố cáo, việc gia hạn giải quyết tố cáo, đình chỉ, tạm đình chỉ việc giải quyết tố cáo, tiếp tục giải quyết tố cáo.

C. Được giải trình, đưa ra chứng cứ để chứng minh nội dung tố cáo là không đúng sự thật.

D. Được nhận kết luận nội dung tố cáo.

**Câu 21. Theo quy định của Luật Tố cáo năm 2018 thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền?**

A. Giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cán bộ, công chức, viên chức khác do mình bổ nhiệm, quản lý trực tiếp.

B. Giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cơ quan, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý trực tiếp.

C. Cả A, B đều đúng.

D. Cả A, B đều sai.

**Câu 22.** **Theo quy định của Luật Tố cáo năm 2018 thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền?**

A. Giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cơ quan, tổ chức do mình quản lý trực tiếp.

B. Giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của công chức, cơ quan, tổ chức do mình quản lý.

C. Giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện công vụ của công chức do mình quản lý trực tiếp.

D. Không có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

**Câu 23. Theo quy định của Luật Tố cáo năm 2018 thì hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm?**

A. Đưa tin sai sự thật về việc tố cáo và giải quyết tố cáo.

B. Tiết lộ họ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo và thông tin khác làm lộ danh tính của người tố cáo.

C. Cố ý tố cáo sai sự thật; cưỡng ép, lôi kéo, kích động, dụ dỗ, mua chuộc người khác tố cáo sai sự thật; sử dụng họ tên của người khác để tố cáo.

D. Cả A, B, C đều đúng.

**Câu 24. Luật Tố cáo năm 2018 quy định: “Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày”, theo anh (chị) vụ việc phức tạp là vụ việc có tiêu chí nào sau đây?**

A. Tố cáo về một nội dung nhưng phải xác minh từ 02 địa điểm trở lên.

B. Tố cáo có từ 02 nội dung phải xác minh trở lên.

C. Nhiều người tố cáo về cùng một nội dung hoặc nội dung tố cáo liên quan đến quyền và lợi ích của nhiều người.

D. Cả A, B, C đều đúng.

**Câu 25. Nguyên tắc giải quyết tố cáo nào sau đây là đúng?**

A. Việc giải quyết tố cáo phải kịp thời, chính xác, khách quan, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và thời hạn theo quy định của pháp luật.

B. Việc giải quyết tố cáo phải bảo đảm an toàn cho người tố cáo; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo trong quá trình giải quyết tố cáo.

C. Cả A, B đều đúng.

D. Cả A, B đều sai.

**Câu 26. Hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm trong tố cáo và giải quyết tố cáo?**

A. Yêu cầu người tố cáo cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo.

B. Đưa tin về việc tố cáo và giải quyết tố cáo.

C. Đe dọa, mua chuộc, trả thù, trù dập, xúc phạm người tố cáo.

D. Rút đơn tố cáo.

**Câu 27: Theo quy định Luật Tiếp công dân năm 2013, nơi tiếp công dân bao gồm ở đâu?**

A. Trụ sở tiếp công dân, địa điểm tiếp công dân hoặc nơi làm việc do cơ quan, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm tiếp công dân bố trí và phải được thông báo công khai hoặc thông báo trước cho người được tiếp.

B. Trụ sở tiếp công dân, địa điểm tiếp công dân hoặc nơi làm việc khác do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tiếp công dân bố trí và phải được thông báo công khai hoặc thông báo trước cho người được tiếp.

C. Trụ sở tiếp công dân, địa điểm tiếp công dân hoặc nơi làm việc khác do cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân bố trí và phải được thông báo công khai hoặc thông báo trước cho người được tiếp.

D. Trụ sở tiếp công dân, địa điểm tiếp công dân hoặc nơi làm việc khác do cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm tiếp công dân bố trí và phải được thông báo công khai hoặc thông báo trước cho người được tiếp.

**Câu 28: Luật Tiếp công dân năm 2013 quy định nguyên tắc tiếp công dân phải bảo đảm như thế nào?**

A. Công khai, chủ động, kịp thời; thủ tục đơn giản, thuận tiện; giữ bí mật và bảo đảm an toàn cho người tố cáo theo quy định của pháp luật; bảo đảm khách quan, bình đẳng, không phân biệt đối xử trong khi tiếp công dân.

B. Công khai, dân chủ, kịp thời; thủ tục đơn giản, thuận tiện; giữ bí mật và bảo đảm an toàn cho người tố cáo theo quy định của pháp luật; bảo đảm khách quan, bình đẳng, không phân biệt đối xử trong khi tiếp công dân.

C. Công khai, dân chủ, chủ động; thủ tục đơn giản, thuận tiện; giữ bí mật và bảo đảm an toàn cho người tố cáo theo quy định của pháp luật; bảo đảm khách quan, bình đẳng, không phân biệt đối xử trong khi tiếp công dân.

D. Công khai, dân chủ, chủ động, kịp thời; thủ tục đơn giản, thuận tiện; giữ bí mật và bảo đảm an toàn cho người tố cáo theo quy định của pháp luật; bảo đảm khách quan, bình đẳng, không phân biệt đối xử trong khi tiếp công dân.

**Câu 29: Luật Tiếp công dân năm 2013 quy định những hành vi nào bị nghiêm cấm?**

A. Gây phiền hà, sách nhiễu hoặc cản trở người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

B. Thiếu trách nhiệm trong việc tiếp công dân; làm mất hoặc làm sai lệch thông tin, tài liệu do người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh cung cấp.

C. Cả a,b, đều đúng.

D. Cả a,b, đều sai.

**Câu 30: Luật Tiếp công dân năm 2013 có hiệu lực thi hành kể từ ngày nào?**

A. Ngày 01/7/2013.

B. Ngày 25/11/2013.

C. Ngày 01/7/2014.

D. Ngày 25/7/2014.

**Câu 31: Theo Luật tiếp công dân năm 2013 trong thời hạn bao nhiêu ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh?**

A. 5 ngày làm việc.

B. 7 ngày làm việc.

C. 10 ngày làm việc.

D. 15 ngày làm việc.

**Câu 32: Theo Luật tiếp công dân năm 2013 khi công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thì người tiếp công dân có trách nhiệm đón tiếp, yêu cầu công dân thực hiện những nội dung nào sau đây?**

A. Nêu rõ họ tên, địa chỉ hoặc xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy ủy quyền (nếu có); tiếp nhận đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh hoặc hướng dẫn người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trình bày nội dung vụ việc.

B. Xuất trình giấy tờ tùy thân; tiếp nhận đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh hoặc hướng dẫn người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trình bày nội dung vụ việc.

C. Hướng dẫn người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trình bày nội dung vụ việc; tiếp nhận đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

D. Xuất trình giấy tờ tùy thân, thông tin cá nhân hoặc giấy ủy quyền (nếu có); tiếp nhận đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh hoặc hướng dẫn người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trình bày nội dung vụ việc.

**Câu 33: Luật Tiếp công dân năm 2013 quy định Kiến nghị, phản ánh là gì?**

A. Là việc công dân cung cấp thông tin, trình bày ý kiến đề xuất giải pháp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền về những vấn đề liên quan đến việc thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật, công tác quản lý trong các lĩnh vực đời sống xã hội thuộc trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đó.

B. Là việc công dân cung cấp thông tin, trình bày ý kiến, nguyện vọng, đề xuất giải pháp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền về những vấn đề liên quan đến việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, công tác quản lý trong các lĩnh vực đời sống xã hội thuộc trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đó.

C. Là việc công dân trình bày ý kiến, nguyện vọng, đề xuất giải pháp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền về những vấn đề liên quan đến việc thực hiện chính sách, pháp luật, công tác quản lý trong các lĩnh vực đời sống xã hội thuộc trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đó.

D. Là việc công dân cung cấp thông tin, trình bày ý kiến, nguyện vọng, đề xuất giải pháp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có chức năng, thẩm quyền về những vấn đề, nội dung liên quan đến việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, công tác quản lý trong các lĩnh vực đời sống xã hội thuộc trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đó.

**Câu 34: Luật Tiếp công dân năm 2013 quy định Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm tiếp công dân theo quy định nào?**

A. Tiếp công dân theo chức năng, thẩm quyền.

B. Tiếp công dân theo quy định của Luật Tiếp công dân năm 2013 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

C. Tiếp công dân theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

D. Tiếp công dân theo quy định của Luật Tiếp công dân năm 2013.

**Câu 35: Luật Tiếp công dân năm 2013 quy định khi tiếp công dân, người tiếp công dân phải đảm bảo đầy đủ những nội dung nào sau đây? (Chọn đáp án đúng nhất)**

A. Phải bảo đảm trang phục chỉnh tề, có đeo thẻ công chức, viên chức hoặc phù hiệu theo quy định.

B. Phải đeo thẻ công chức, viên chức hoặc phù hiệu theo quy định.

C. Phải bảo đảm trang phục đúng quy định, đeo thẻ công chức, viên chức hoặc phù hiệu theo quy định.

D. Phải bảo đảm trang phục phù hợp, có đeo thẻ công chức, viên chức hoặc phù hiệu theo quy định.

**Câu 36: Người có thẩm quyền giải quyết trong thời hạn bao nhiêu ngày, kể từ ngày tiếp nhận thì có trách nhiệm thông báo kết quả xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh?**

A. 03 ngày làm việc.

B. 05 ngày làm việc.

C. 07 ngày làm việc.

D. 09 ngày làm việc.

**Câu 37: Theo Luật Tiếp công dân năm 2013, trong quá trình** **phân loại, chuyển nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đến cơ quan, người có thẩm quyền thụ lý, giải quyết, thì trường hợp khiếu nại, tố cáo đã được giải quyết đúng chính sách, pháp luật thì người tiếp công dân phải làm gì?**

A. Giải thích, hướng dẫn để người đến khiếu nại, tố cáo chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo và yêu cầu công dân chấm dứt việc khiếu nại, tố cáo.

B. Hướng dẫn để người đến khiếu nại, tố cáo chấp hành quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo và yêu cầu công dân chấm dứt việc khiếu nại, tố cáo.

C. Yêu cầu công dân chấm dứt việc khiếu nại, tố cáo.

D. Giải thích để người đến khiếu nại, tố cáo chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo và hướng dẫn công dân khiếu nại, tố cáo lên cơ quan có thẩm quyền khác.

**Câu 38: Theo Luật Tiếp công dân năm 2013, trường hợp kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình thì người tiếp công dân phải làm gì?**

A. Nghiên cứu, xem xét, giải quyết hoặc phân công bộ phận nghiên cứu, xem xét, giải quyết.

B. Xem xét, giải quyết hoặc phân công bộ phận nghiên cứu, xem xét, giải quyết.

C. Báo cáo người có thẩm quyền để nghiên cứu, xem xét, giải quyết hoặc phân công bộ phận nghiên cứu, xem xét, giải quyết.

D. Báo cáo người có thẩm quyền để nghiên cứu, xem xét, giải quyết hoặc phân công bộ phận nghiên cứu, xem xét, giải quyết.

**Câu 39. Theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019, “người lao động” được hiểu là:**

A. Người lao động là người làm việc cho người sử dụng lao động theo thỏa thuận, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành, giám sát của người sử dụng lao động.

B. Người lao động là người có khả năng lao động, làm việc theo hợp đồng lao động, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động.

C. Người lao động là người từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động, làm việc theo hợp đồng lao động, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động.

D. Người lao động là người từ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động, làm việc theo hợp đồng lao động, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động.

**Câu 40. Quyền làm việc của người lao động theo quy định Bộ luật Lao động năm 2019, đáp án nào sau đây là đúng nhất?**

A. Người lao động được tự do lựa chọn việc làm, làm việc cho bất kỳ người sử dụng lao động nào và ở bất kỳ nơi nào.

B. Người lao động được tự do lựa chọn việc làm, làm việc cho bất kỳ người sử dụng lao động nào và ở bất kỳ nơi nào mà pháp luật không cấm.

C. Người lao động được tự do lựa chọn việc làm, làm việc cho bất kỳ người sử dụng lao động nào và ở bất kỳ nơi nào mà pháp luật cho phép.

D. Người lao động được tự do lựa chọn việc làm, làm việc cho bất kỳ người sử dụng lao động nào mà pháp luật không cấm.

**Câu 41. Theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019, điều kiện bảo đảm về thời gian thử việc đối với công việc có chức danh nghề nghiệp cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên là bao nhiêu ngày?**

A. Không quá 45 ngày.

B. Không quá 50 ngày.

C. Không quá 55 ngày.

D. Không quá 60 ngày.

**Câu 42. Theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019, Thỏa ước lao động bao gồm?**

A. Thỏa ước lao động tập thể ngành, thỏa ước lao động tập thể có nhiều doanh nghiệp.

B. Thỏa ước lao động tập thể ngành, thỏa ước lao động tập thể doanh nghiệp.

C. Thỏa ước lao động tập thể ngành, thỏa ước lao động tập thể doanh nghiệp, thỏa ước lao động tập thể có nhiều doanh nghiệp.

D. Thỏa ước lao động tập thể doanh nghiệp, thỏa ước lao động tập thể ngành, thỏa ước lao động tập thể có nhiều doanh nghiệp và các thỏa ước lao động tập thể khác.

**Câu 43. Theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019, người lao động làm việc theo ca được nghỉ mấy giờ trước khi chuyển sang ca làm việc khác?**

A. Ít nhất 08 giờ.

B. Ít nhất 10 giờ.

C. Ít nhất 12 giờ.

D. Ít nhất 14 giờ.

**Câu 44.** Người lao động là người Việt Nam được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương bao nhiêu ngày trong những ngày lễ, tết của năm?

A. 10 ngày

B. 11 ngày

C. 12 ngày

D. 13 ngày

**Câu 45. Theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019, người sử dụng lao động sử dụng từ bao nhiêu người lao động trở lên phải đăng ký nội quy lao động tại cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi người sử dụng lao động đăng ký kinh doanh?**

A. Sử dụng từ 5 người lao động trở lên.

B. Sử dụng từ 10 người lao động trở lên.

C. Sử dụng từ 15 người lao động trở lên.

D. Sử dụng từ 20 người lao động trở lên.

**Câu 46. Theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019,** **hành vi vi phạm liên quan trực tiếp đến tài chính, tài sản, tiết lộ bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh của người sử dụng lao động thì thời hiệu xử lý kỷ luật lao động là:**

A. 09 tháng.

B. 10 tháng.

C. 11 tháng.

D. 12 tháng.

**Câu 47. Theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019, Người lao động có hành vi “đánh bạc” tại nơi làm việc thì áp dụng hình thức kỷ luật nào?**

A. Khiển trách.

B. Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 06 tháng.

C. Cách chức.

D. Sa thải.

**Câu 48. Theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019, thời hạn tạm đình chỉ công việc của người lao động là:**

A. Không được quá 10 ngày, trường hợp đặc biệt không được quá 90 ngày.

B. Không được quá 15 ngày, trường hợp đặc biệt không được quá 90 ngày.

C. Không được quá 20 ngày, trường hợp đặc biệt không được quá 90 ngày.

D. Không được quá 25 ngày, trường hợp đặc biệt không được quá 90 ngày.

**Câu 49. Theo quy định của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP, khi người lao động làm ngành, nghề, công việc đặc thù muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động thì thời hạn báo trước là bao nhiêu ngày đối với hợp đồng lao động xác định thời hạn?**

A. Ít nhất 90 ngày.

B. Ít nhất 115 ngày.

C. Ít nhất 120 ngày.

D. Ít nhất 135 ngày.

**Câu 50. Theo quy định của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP, một trong những nguyên tắc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc là:**

A. Thiện chí, hợp tác, trung thực, bình đẳng, công khai và minh bạch.

B. Thiện chí, hợp tác, trung thực, bình đẳng, công khai, minh bạch, không được trái pháp luật.

C. Thiện chí, hợp tác, trung thực, bình đẳng, công khai, minh bạch, không được trái đạo đức xã hội.

D. Thiện chí, hợp tác, trung thực, bình đẳng, công khai, minh bạch, không được trái pháp luật và đạo đức xã hội.

**Câu 51. Theo quy định của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP, Quấy rối tình dục tại nơi làm việc là:**

A. Hành vi mang tính thể chất gồm hành động, cử chỉ, tiếp xúc, tác động vào cơ thể mang tính tình dục hoặc gợi ý tình dục.

B. Hành vi có tính chất tình dục của người sử dụng lao động đối với người khác tại nơi làm việc mà không được người đó mong muốn hoặc chấp nhận.

C. Hành vi có tính chất tình dục của bất kỳ người nào đối với người lao động nơi làm việc mà không được người đó mong muốn hoặc chấp nhận.

D. Hành vi có tính chất tình dục, gợi tình của bất kỳ người nào đối với người lao động tại nơi làm việc mà chưa được sự đồng ý của người đó.

**Câu 52: Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm**

A. Hiến pháp.

B. Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

C. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

D. Cả 03 câu trên đều đúng.

**Câu 53: Quy định về thực hiện phản biện xã hội đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật như thế nào?**

A. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện phản biện xã hội đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật này và Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

B. Phản biện xã hội được thực hiện trong thời gian cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến về dự thảo văn bản.

C. Đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đã được phản biện xã hội thì hồ sơ dự án, dự thảo gửi thẩm định, thẩm tra, trình cơ quan có thẩm quyền phải bao gồm văn bản phản biện xã hội.

D. Cả 03 câu trên đều đúng.

**Câu 54: Những hành vi bị nghiêm cấm trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật?**

A. Quy định thủ tục hành chính trong thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

B. Quy định thủ tục hành chính trong thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

C. Quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao hoặc trường hợp cần thiết phải quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

D. Cả 03 câu trên đều đúng.

**Câu 55: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định về những nội dung nào?**

A. Những vấn đề được luật giao

B. Những vấn đề được nghị quyết của Quốc hội giao.

C. Những vấn đề để thực hiện việc phân cấp cho chính quyền địa phương, cơ quan nhà nước cấp dưới theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương.

D. Cả 03 câu trên đều đúng

**Câu 56: Những nội dung nào sau đây cần tập trung khi thẩm định dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết do Chính phủ trình? Chọn câu SAI.**

A. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

B. Điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để thi hành.

C. Ngôn ngữ, kỹ thuật và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản.

D. Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo văn bản

**Câu 57: Chọn câu SAI. Khi soạn thảo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố, cơ quan chủ trì soạn thảo có các nhiệm vụ sau đây?**

A. Khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội ở địa phương.

B. Xây dựng dự thảo và tờ trình dự thảo quyết định

C. Đánh giá tác động văn bản trong trường hợp dự thảo quyết định có quy định cụ thể các chính sách đã được quy định trong văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên.

D. Tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu ý kiến, chỉnh lý hoàn thiện dự thảo quyết định.

**Câu 58: Khi thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân quận, cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến Phòng Tư pháp trong thời hạn nào?**

A. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày Ủy ban nhân dân họp.

B. Chậm nhất là 20 ngày trước ngày Ủy ban nhân dân họp.

C. Trong 10 ngày trước ngày Ủy ban nhân dân họp.

D. Trong 10 ngày kể từ ngày soạn thảo xong dự thảo quyết định.

**Câu 59: Chọn câu SAI. Hồ sơ gửi thẩm định quyết định của Ủy ban nhân dân quận bao gồm:**

A. Tờ trình Ủy ban nhân dân về dự thảo quyết định;

B. Bản chụp ý kiến góp ý

C. Bản tổng hợp ý kiến về dự thảo quyết định

D. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân

**Câu 60: Nội dung thẩm định quyết định của Ủy ban nhân dân quận bao gồm:**

A. Sự cần thiết ban hành quyết định

B. Sự phù hợp của nội dung dự thảo quyết định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

C. Nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành quyết định

D. Cả 03 câu trên đều đúng

**Câu 61: Các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn**

A. Trường hợp cần ban hành ngay văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

B. Trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn theo quyết định của Quốc hội

C. Trường hợp cần kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần của văn bản quy phạm pháp luật trong một thời hạn nhất định.

D. Trường hợp để ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần của văn bản quy phạm pháp luật trong một thời hạn nhất định

**Câu 62: Các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn**

A. Trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

B. Trường hợp cần kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần của văn bản quy phạm pháp luật trong một thời hạn nhất định để giải quyết những vấn đề cấp bách phát sinh trong thực tiễn.

C. Trường hợp cần bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

D. Cả 03 câu trên đều đúng.

**Câu 63: Thẩm quyền quyết định việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn**

A. Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

B. Chủ tịch nước quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ

C. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành trong trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn quy định tại khoản 1 Điều 146 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật .

D. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**Câu 64. Chỉ số PCI là chỉ số phản ánh về nội dung gì ?**

A. Chỉ số phản ánh hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam.

B. Chỉ số đánh giá và xếp hạng chính quyền các tỉnh, thành của Việt Nam về chất lượng điều hành kinh tế và xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho việc phát triển doanh nghiệp dân doanh.

C. Chỉ số để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện cải cách hành chính hàng năm của các bộ, ngành, địa phương.

D. Chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước

**Câu 65. Chỉ số PAPI là chỉ số phản ánh về nội dung gì ?**

A. Chỉ số phản ánh hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam.

B. Chỉ số đánh giá và xếp hạng chính quyền các tỉnh, thành của Việt Nam về chất lượng điều hành kinh tế và xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho việc phát triển doanh nghiệp dân doanh.

C. Chỉ số để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện cải cách hành chính hàng năm của các bộ, ngành, địa phương.

D. Chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước

**Câu 66: Bộ Chỉ số DDCI là chỉ số gì?**

A. Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh

B. Chỉ số cải cách hành chính

C. Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương

D. Chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước

**Câu 67: Đối tượng đánh giá của Chỉ số cải cách hành chính do Bộ Nội vụ chủ trì (PAR INDEX) là?**

A. **Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.**

B. Các cơ quan đảng, các tổ chức chính trị - xã hội Trung ương.

C. Các tập đoàn kinh tế nhà nước.

D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 68:** **Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) có bao nhiêu chỉ số thành phần?**

A. 08 chỉ số thành phần.

B. 10 chỉ số thành phần.

C. 12 chỉ số thành phần.

D. 14 chỉ số thành phần.

**Câu 69:** **Đối tượng điều tra xã hội học để đánh giá xác định kết quả Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) là?**

A. Người dân sinh sống trên địa bàn được lựa chọn điều tra xã hội học.

B. Người dân, người đại diện cho tổ chức đã trực tiếp giao dịch và nhận kết quả cung ứng dịch vụ hành chính công trong phạm vi thời gian điều tra xã hội học.

C. Người dân và người đại diện cho tổ chức sinh sống trên địa bàn được lựa chọn điều tra xã hội học.

C. Người đại diện cho tổ chức sinh sống trên địa bàn được lựa chọn điều tra xã hội học.

**Câu 70: Bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) cấp tỉnh được khảo sát, đánh giá dựa trên mấy lĩnh vực?**

A. 8 lĩnh vực.

B. 9 lĩnh vực.

C. 10 lĩnh vực.

D. 11 lĩnh vực.

**Câu 71: Để đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), cơ quan chức năng tiến hành thu thập dữ liệu từ nguồn nào sau đây?**

A. Các đơn vị kinh tế tập thể , doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân kinh doanh tại 63 tỉnh thành phố ở Việt Nam.

B. Doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân đang hoạt động trên 63 tỉnh, thành phố ở Việt Nam

C. Doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân kinh doanh tại 63 tỉnh thành phố ở Việt Nam.

D. Các cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan Nhà nước thuộc 63 tỉnh thành phố ở Việt Nam.

**Câu 72: Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) được đánh giá dựa trên những yếu tố cơ bản nào?**

A. Tiếp cận dịch vụ; thủ tục hành chính.

B. Công chức giải quyết công việc; kết quả dịch vụ; việc tiếp nhận, giải quyết ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị.

C. A và B đúng.

D. A và B sai.

**Câu 73: Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) được dựa trên cơ sở nào?**

A. Trải nghiệm và đánh giá của người dân khi tương tác với các cấp chính quyền địa phương.

B. Đánh giá, chấm điểm của cơ quan hành chính nhà nước cấp trên đối với cơ quan hành chính nhà nước cấp dưới.

C. Đánh giá, chấm điểm giữa các cơ quan hành chính cùng cấp.

D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 74: Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định “Dịch vụ công trực tuyến toàn trình” như thế nào?**

A. Là dịch vụ nộp hồ sơ được thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích.

B. Là dịch vụ bảo đảm cung cấp toàn bộ thông tin về thủ tục hành chính, việc thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng. Việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

C. Là dịch vụ nộp hồ sơ trực tiếp.

D. A và C đúng.

**Câu 75. Địa chỉ truy cập vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ nào?**

1. https://dichvucong.tphcm.gov.vn
2. http://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn
3. https:// dichvucong.hochiminhcity.net
4. https:// dichvucong.hochiminhcity.com.vn

**Câu 76: Thủ tục hành chính (TTHC) bao gồm các bộ phận cấu thành nào sau đây?**

A. Trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, hồ sơ, thời hạn giải quyết.

B. Trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, hồ sơ, thời hạn giải quyết, kết quả của việc thực hiện TTHC.

C. Tên TTHC, trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, hồ sơ, thời hạn giải quyết, đối tượng, cơ quan thực hiện TTHC, kết quả của việc thực hiện TTHC.

D. Tên TTHC, Trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, hồ sơ, thời hạn giải quyết, kết quả của việc thực hiện TTHC.

**Câu 77: Thư xin lỗi về thủ tục hành chính giải quyết trễ hạn phải được thực hiện khi nào?**

A. Chậm nhất là ngày hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

B. Ngay ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ

C. Khi tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính

D. Chậm nhất là 24 giờ, kể từ ngày hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

**Câu 78: Trách nhiệm thực hiện Thư xin lỗi về thủ tục hành chính giải quyết trễ hạn đối với thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa tại các Sở, ban, ngành thuộc về:**

A. Người xử lý hồ sơ

B. Chánh văn phòng cơ quan, đơn vị

C. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị

D. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoặc người được ủy quyền

**Câu 79: Theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ, việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử chỉ được thực hiện khi nào?**

A. Khi hồ sơ được chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.

B. Khi hồ sơ được gửi từ tài khoản đã đăng ký

C. Khi hồ sơ được chứng thực bản sao điện tử từ bản chính không yêu cầu phải đăng ký tài khoản.

D. Khi hồ sơ được thực hiện tại Trung tâm Hành chính công.

**Câu 80: Theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận, giải quyết TTHC trên môi trường điện tử là gì?**

A. Báo cáo Thủ trưởng cơ quan giải quyết TTHC khi phát hiện các hành vi sử dụng hệ thống thông tin không đúng mục đích, các dấu hiệu gây ảnh hưởng đến an toàn, an ninh thông tin để kịp thời xử lý. Tuân thủ Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng và các quy định pháp luật liên quan về bảo vệ thông tin cá nhân khi thực hiện thu thập thông tin cá nhân của tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

B. Sử dụng tài khoản giao dịch điện tử đã đăng ký đăng nhập vào Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh để theo dõi, giải quyết hồ sơ điện tử thực hiện TTHC của tổ chức, cá nhân theo đúng quy định và đảm bảo hiệu quả. Cập nhật các kiến thức bảo đảm sử dụng thành thạo cá phần mềm ứng dụng triển khai trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

C. Hướng dẫn, hỗ trợ để tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; Kiểm tra hồ sơ, gửi các thông tin phản hồi cho tổ chức, cá nhân theo các thông tin tổ chức, cá nhân đã đăng ký khi thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

D. Cả 03 phương án trên

**Câu 81. Theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ, “tài khoản giao dịch điện tử” được hiểu như thế nào?**

A. Là danh tính điện tử của cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân được xác thực điện tử để đăng nhập vào cổng dịch vụ công quốc gia, cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh khi thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

B. Là tài khoản bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu để cá nhân, tổ chức đăng nhập vào vào cổng dịch vụ công quốc gia, cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh khi thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

C. Là tài khoản bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu cung cấp cho cán bộ, công chức, viên chức có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân.

D. Là tài khoản bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu để cá nhân, tổ chức đăng nhập vào cổng dịch vụ công quốc gia, cổng dịch vụ công khi thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

**Câu 82: Năm 2023, Ủy ban nhân dân Quận 1 đề ra chỉ tiêu *“Tỷ lệ giải quyết hồ sơ TTHC đúng hạn tại Quận 1”* là bao nhiêu?**

A. Đạt tỷ lệ 100% (trừ lĩnh vực đất đai).

B. Đạt tỷ lệ 100% (trừ lĩnh vực giải quyết khiếu nại, tố cáo).

C. Đạt tỷ lệ 100% (trừ lĩnh vực đất đai, hộ tịch và lĩnh vực giải quyết khiếu nại, tố cáo).

D. Đạt tỷ lệ 100% (trừ lĩnh vực đất đai và lĩnh vực giải quyết khiếu nại, tố cáo).

**Câu 83: Theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập thì nguồn tài chính của đơn vị nhóm 3 là:**

A. Nguồn Ngân sách nhà nước

B. Nguồn thu hoạt động sự nghiệp; Nguồn thu phí được để lại đơn vị

C. Nguồn vốn vay của đơn vị

D. Cả 3 phương án trên.

**Câu 84: Năm 2023, Ủy ban nhân dân Quận 1 đề ra chỉ tiêu mức độ hài lòng của cá nhân và doanh nghiệp về giải quyết TTHC tại Quận 1 là bao nhiêu?**

A. 97% trở lên

B. 98% trở lên

C. 99% trở lên

D. 100%

**Câu 85: Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được ban hành theo quyết định nào?**

A. Quyết định 165/QĐ-UBND ngày 10/3/2017

B. Quyết định 67/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017

C. Quyết định 76/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017

D. Quyết định 77/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017

**Câu 86: Giao tiếp và ứng xử nêu trong Quy tắc ứng xử được ban hành theo** ***Quyết định 67/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố*** **gồm:**

A. Giao tiếp và ứng xử với nhân dân

B. Giao tiếp và ứng xử với cấp trên, cấp dưới và đồng nghiệp

C. Giao tiếp qua điện thoại và thư điện tử công vụ

D. Tất cả A,B,C đều đúng.

**Câu 87: Trong giao tiếp và ứng xử với Nhân dân, Quy tắc ứng xử được ban hành theo *Quyết định 67/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố* yêu cầu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động như thế nào?**

A. Có thái độ niềm nở, nhã nhặn, lắng nghe ý kiến, giải thích, hướng dẫn rõ ràng, cụ thể về các quy định liên quan đến giải quyết công việc.

B. Không được có thái độ hách dịch, nhũng nhiễu; không gây căng thẳng, bức xúc, dọa nạt người dân.

C. Có thái độ niềm nở, nhã nhặn, lắng nghe ý kiến, giải thích, hướng dẫn rõ ràng, cụ thể về các quy định liên quan đến giải quyết công việc. Không được có thái độ hách dịch, nhũng nhiễu; không gây căng thẳng, bức xúc, dọa nạt người dân.

D. Có thái độ niềm nở, nhã nhặn, lắng nghe ý kiến, giải thích về các quy định liên quan đến giải quyết công việc. Không được có thái độ hách dịch, nhũng nhiễu, dọa nạt người dân.

**Câu 88: Trong giao tiếp và ứng xử với đồng nghiệp, Quy tắc ứng xử được ban hành theo *Quyết định 67/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố* yêu cầu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động như thế nào?**

A. Công chức phải ứng xử có văn hóa, tôn trọng và bảo vệ danh dự, uy tín của đồng nghiệp; chân thành, thân thiện và đoàn kết, hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau hoàn thành nhiệm vụ. Tôn trọng, lắng nghe và tiếp thu ý kiến của đồng nghiệp, của tập thể; thẳng thắn góp ý với đồng nghiệp trên tinh thần xây dựng, khách quan.

B. Công chức phải ứng xử có văn hóa, tôn trọng và bảo vệ danh dự, uy tín của đồng nghiệp; chân thành, thân thiện và đoàn kết, hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau hoàn thành nhiệm vụ. Tôn trọng, lắng nghe và tiếp thu ý kiến của đồng nghiệp, của tập thể; thẳng thắn góp ý với đồng nghiệp trên tinh thần xây dựng, khách quan. Không được lợi dụng việc góp ý, phê bình làm tổn hại đến uy tín của đồng nghiệp.

C. Cả A và B đều sai.

D. Cả A và B đều đúng.

**Câu 89. Quy tắc ứng xử được ban hành theo *Quyết định 67/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố* quy định: Khi thực hiện quyết định của cấp có thẩm quyền, công chức phát hiện quyết định đó trái pháp luật hoặc không phù hợp với thực tiễn thì:**

A. Phải báo cáo kịp thời với người ra quyết định.

B. Phải báo cáo lên cấp trên trực tiếp của người ra quyết định.

C. Không phải báo cáo ai.

D. Cả 3 câu trên đều sai.

**Câu 90: Công chức thi hành nhiệm vụ, công vụ theo Quy tắc ứng xử được ban hành theo *Quyết định 67/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố*:**

A. Được từ chối giải quyết các yêu cầu của cá nhân, tổ chức phù hợp với chức trách, nhiệm vụ được giao mà không đúng quy định pháp luật.

B. Không được từ chối giải quyết các yêu cầu của cá nhân, tổ chức phù hợp với chức trách, nhiệm vụ được giao mà không đúng quy định pháp luật.

C. Không được từ chối giải quyết các yêu cầu của cá nhân, tổ chức phù hợp với chức trách, nhiệm vụ được giao mà đúng quy định pháp luật.

D. Cả 3 câu trên đều sai

**Câu 91:** **Mục tiêu của *Đề án Văn hóa công vụ được phê duyệt tại Quyết định số1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ* là gì?**

A. Nâng cao văn hóa công vụ, góp phần hình thành phong cách ứng xử, lề lối làm việc chuẩn mực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kế thừa, phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế

B. Nâng cao văn hóa công vụ góp phần xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, trách nhiệm, minh bạch, hiệu quả, vì Nhân dân phục vụ. Đảm bảo tính chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả trong hoạt động thực thi nhiệm vụ, công vụ

C. Nâng cao văn hóa công vụ, góp phần hình thành phong cách ứng xử, lề lối làm việc chuẩn mực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đảm bảo tính chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả trong hoạt động thực thi nhiệm vụ, công vụ; đáp ứng yêu cầu phục vụ Nhân dân, xã hội

D. Nâng cao đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, đạo đức nghề nghiệp của viên chức; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; phòng, chống tham nhũng. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong thực hiện văn hóa công vụ.

**Câu 92:** **Các giải pháp thực hiện văn hóa công vụ được phê duyệt tại Đề án văn hóa công vụ theo Quyết định số1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ là:**

A. Hoàn thiện quy định về văn hóa công vụ

B. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tăng cường bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về văn hóa công vụ

C. Tổ chức thực hiện các quy định về văn hóa công vụ góp phần tăng cường kỷ luật kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu lực hiệu quả của nền công vụ

D. Cả A, B, C đều đúng

**Câu 93: Đề án Văn hóa công vụ được phê duyệt tại Quyết định số1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ, gồm mấy nội dung?**

A. 4

B. 5

C. 6

D. 7

**Câu 94: Nội dung nào không phải là quan điểm của Đề án Văn hóa công vụ được phê duyệt tại Quyết định số1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ?**

A. Nâng cao văn hóa công vụ góp phần xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, trách nhiệm, minh bạch, hiệu quả, vì Nhân dân phục vụ.

B. Kế thừa, phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

C. Thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; trung thực, giản dị, thẳng thắn, chân thành; không có biểu hiện cơ hội, sống ích kỷ, ganh ghét, đố kỵ

D. Nâng cao đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, đạo đức nghề nghiệp của viên chức; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; phòng, chống tham nhũng.

**Câu 95: Đâu là nội dung chuẩn mực giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức theo Đề án Văn hóa công vụ được phê duyệt tại Quyết định số1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ?**

A. Trong giao tiếp với người dân, cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng, lắng nghe, tận tình hướng dẫn về quy trình xử lý công việc và giải thích cặn kẽ những thắc mắc của người dân. Thực hiện “4 xin, 4 luôn”: xin chào, xin lỗi, xin cảm ơn, xin phép; luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn lắng nghe, luôn giúp đỡ;

B. Đối với đồng nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức phải có tinh thần hợp tác, tương trợ trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ; không bè phái gây mất đoàn kết nội bộ của cơ quan, tổ chức;

C. A và B sai

D. A và B đúng

**Câu 96.** **Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ mục tiêu đến 2025 tỷ lệ có bao nhiêu % hồ sơ công việc xử lý trên môi trường mạng liên quan đến quản lý dân cư tại cấp bộ, tỉnh; cấp huyện và cấp xã?**

A. 90% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp bộ, tỉnh; 80% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp xã.

B. 80% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp bộ, tỉnh; 70% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp huyện và 50% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp xã.

C. 70% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp bộ, tỉnh; 60% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp huyện và 40% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp xã.

D. 60% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp bộ, tỉnh; 50% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp huyện và 30% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp xã.

#### Câu 97. Theo Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030", đâu là trung tâm trong chuyển đổi số?

#### Doanh nghiệp

#### Cơ quan hành chính nhà nước

#### Các tổ chức chính trị - xã hội

#### Người dân

#### Câu 98. Theo Theo Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ ưu tiên chuyển đổi số bao nhiêu lĩnh vực?

#### 5 lĩnh vực

#### 8 lĩnh vực

#### 11 lĩnh vực

#### 13 lĩnh vực

**Câu 99.** **Ngày Chuyển đổi số quốc gia được tổ chức hằng năm là ngày nào?**

1. Ngày 01/10
2. **Ngày 10/10**
3. Ngày 11/11

**Câu 100.** **Văn hóa số là gì ?**

1. Là các quy tắc ứng xử của con người trong môi trường số
2. Là chuẩn mực đạo đức của con người trong môi trường số
3. Là sự hưởng thụ các giá trị văn hóa của con người trong môi trường số
4. **Tất cả đáp án trên**

**Câu 101.** **Thang điểm đánh giá của Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số các xã, phường, thị trấn là bao nhiêu ?**

A. 500 điểm

1. 551 điểm
2. **600 điểm**

**Câu 102.** **Ngày Chuyển đổi số quốc gia được tổ chức hằng năm nhằm thực hiện những nhiệm vụ gì ?**

A. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số quốc gia, thực hiện có hiệu quả Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

B. Nâng cao nhận thức của người dân toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của chuyển đổi số.

C. Thúc đẩy sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số.

1. **Tất cả đáp án trên**

**Câu 103. Dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước là gì ?**

1. Là giao dịch công được thực hiện trên môi trường trực tuyến
2. Là dịch vụ hành chính công và các dịch vụ khác của cơ quan nhà nước được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân
3. **Là dịch vụ hành chính công và các dịch vụ khác của cơ quan nhà nước được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng**
4. **Cả A, B, C đều đúng**

**Câu 104. Thang điểm đánh giá của Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số các huyện, thành phố là bao nhiêu ?**

**A. 600 điểm**

B. 700 điểm

C. 750 điểm

D. 800 điểm

**Câu 105. Ngày Chuyển đổi số quốc gia có ý nghĩa như thế nào?**

1. Là sự kiện giúp nâng cao nhận thức của toàn dân về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số đối với cuộc sống nói riêng của mỗi người và sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nói chung của Đất nước.
2. Chuyển đổi số để giúp giải quyết các vấn đề của cuộc sống, chuyển đổi số “vị” nhân sinh, thì tinh thần xuyên suốt là ngày nào cũng là ngày chuyển đổi số, vì cuộc sống tiếp diễn liên tục, không ngừng đặt ra những vấn đề mới. Vì thế, Ngày Chuyển đổi số quốc gia còn là ngày mà mỗi cá nhân, tổ chức dừng lại một chút để cảm nhận về những gì còn chưa làm được, về những gì đã làm được, về quá khứ, hiện tại và tương lai.
3. Đánh dấu ý nghĩa của chuyển đổi số như là một phương thức phát triển mới của Đất nước trong thời gian tới, mở ra những không gian mới cho sự phát triển. Chuyển đổi số không phải là thêm một việc mới, mà chuyển đổi số là thêm một cách làm mới cho những việc hiện tại.
4. **Tất cả đáp án trên**

**Câu 106. 03 trụ cột chính của chuyển đổi số là gì?**

A. Chính phủ số, công nghệ số, xã hội số

B. Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số

C. Chính phủ số, xã hội số, công nghệ số

D. Tất cả đáp án trên.

**Câu 107.** Xã hội số là gì?

1. Là xã hội của con người trong môi trường số, ở đấy có nhiều dịch vụ và nền tảng số giúp cho cuộc sống con người được thuận tiện và dễ dàng, công ăn việc làm nhiều hơn với năng suất lao động cao hơn, xã hội an toàn và nhân văn. Xã hội số hướng tới lấy con người làm trung tâm, cân bằng kinh tế với cuộc sống hạnh phúc, áp dụng công nghệ số tại nhà ở, nơi làm việc, giáo dục và giải trí.
2. Là xã hội của con người trong môi trường số, ở đấy có nhiều dịch vụ và nền tảng số giúp cho cuộc sống con người được thuận tiện và dễ dàng. Xã hội số hướng tới lấy con người làm trung tâm, cân bằng kinh tế với cuộc sống hạnh phúc, áp dụng công nghệ số tại nhà ở, nơi làm việc, giáo dục và giải trí.
3. Là xã hội của con người trong môi trường số, ở đấy có nhiều dịch vụ và nền tảng số giúp cho cuộc sống con người được thuận tiện và dễ dàng, công ăn việc làm nhiều hơn với năng suất lao động cao hơn, xã hội an toàn và nhân văn. Xã hội số hướng tới lấy con người làm trung tâm, cân bằng kinh tế với cuộc sống hạnh phúc.
4. Tất cả đáp án trên.

**Câu 108. Công dân số là gì?**

1. Công dân số là người có kỹ năng sử dụng các thiết bị kỹ thuật số (máy tính, điện thoại di động) để tương tác, kết nối với các cá nhân, tổ chức.

B. Công dân số là người có kỹ năng sử dụng các thiết bị kỹ thuật số (máy tính, điện thoại di động) để tương tác, kết nối với các cá nhân, tổ chức, cộng đồng trong xã hội.

C. Công dân số là người có kỹ năng sử dụng các thiết bị kỹ thuật số (máy tính, điện thoại di động) để tương tác, kết nối với các cá nhân, tổ chức, cộng đồng trong xã hội. Công dân số tạo nên xã hội số.

D. Tất cả đáp án trên

**Câu 109. Chính quyền số là gì?**

1. Là việc giải quyết công việc bằng áp dụng công nghệ số dựa trên dữ liệu tổng hợp có sự liên kết, chia sẻ linh hoạt để nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tốt hơn.
2. Là việc chuyển đổi các phương pháp, cách thức xử lý, giải quyết công việc bằng áp dụng công nghệ số dựa trên dữ liệu tổng hợp có sự liên kết, chia sẻ linh hoạt để nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tốt hơn.
3. Là việc chuyển đổi các phương pháp, cách thức xử lý, giải quyết công việc bằng áp dụng công nghệ số dựa trên dữ liệu tổng hợp có sự liên kết, chia sẻ linh hoạt để nâng cao hiệu quả hoạt động phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tốt hơn.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 110.** **Ngày Chuyển đổi số quốc gia được tổ chức hằng năm nhằm thực hiện những nhiệm vụ gì ?**

1. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số quốc gia, thực hiện có hiệu quả Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
2. Nâng cao nhận thức của người dân toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của chuyển đổi số.
3. Thúc đẩy sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số.
4. **Tất cả đáp án trên**

**Câu 111: Luật Thanh niên được ban hành vào ngày, tháng, năm nào?**

1. Ngày 01 tháng 01 năm 2020
2. Ngày 01 tháng 07 năm 2020
3. Ngày 15 tháng 5 năm 2020
4. Ngày 16 tháng 6 năm 2020

**Câu 112: Theo Luật Thanh niên Việt Nam có bao nhiêu nguyên tắc** **bảo đảm thực hiện quyền, nghĩa vụ của thanh niên và chính sách của Nhà nước đối với thanh niên?**

1. 06 nguyên tắc
2. 07 nguyên tắc
3. 08 nguyên tắc
4. 09 nguyên tắc

**Câu 113: Ủy ban Quốc gia về Thanh niên Việt Nam là?**

A. Ủy ban quốc gia về Thanh niên Việt Nam là tổ chức phối hợp liên ngành, có chức năng tư vấn giúp Thủ tướng Chính phủ về công tác thanh niên.

B. Ủy ban quốc gia về Thanh niên Việt Nam là tổ chức phối hợp liên ngành, có chức năng tham vấn giúp Thủ tướng Chính phủ về công tác thanh niên.

C. Ủy ban quốc gia về Thanh niên Việt Nam là tổ chức liên ngành, có chức năng tư vấn giúp Thủ tướng Chính phủ về công tác thanh niên.

D. Ủy ban quốc gia về Thanh niên Việt Nam là tổ chức liên ngành, có chức năng tham vấn giúp Thủ tướng Chính phủ về công tác thanh niên.

**Câu 114: Hợp tác Quốc tế về Thanh niên được thực hiện trên nguyên tắc nào?**

A. Hợp tác quốc tế về thanh niên phải bảo đảm nguyên tắc hữu nghị, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, phù hợp với pháp luật mỗi nước, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thông lệ quốc tế.

B. Hợp tác quốc tế về thanh niên phải bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, phù hợp với pháp luật mỗi nước, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thông lệ quốc tế.

C. Hợp tác quốc tế về thanh niên phải bảo đảm nguyên tắc cùng có lợi, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, phù hợp với pháp luật mỗi nước, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thông lệ quốc tế.

D. Hợp tác quốc tế về thanh niên phải bảo đảm nguyên tắc bình đẳng cùng phát triển, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, phù hợp với pháp luật mỗi nước, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thông lệ quốc tế.

**Câu 115: Nội dung hợp tác quốc tế về Thanh niên là gì**?

A. Tham gia tổ chức quốc tế; ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về thanh niên; chương trình, dự án hợp tác quốc tế về thanh niên.

B. Trao đổi thông tin, kinh nghiệm quản lý và chính sách, pháp luật về thanh niên.

C. Giao lưu giữa thanh niên Việt Nam với thanh niên các nước.

D. Cả 03 đáp trên đều đúng.

**Câu 116: Theo Luật Thanh niên Việt Nam, công tác đối thoại với thanh niên được thực hiện như thế nào?**

A. Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm đối thoại với thanh niên ít nhất mỗi tháng một lần về các vấn đề liên quan đến thanh niên; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân có trách nhiệm đối thoại với thanh niên theo yêu cầu của tổ chức thanh niên quy định tại Luật này.

B. Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm đối thoại với thanh niên ít nhất mỗi quý một lần về các vấn đề liên quan đến thanh niên; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân có trách nhiệm đối thoại với thanh niên theo yêu cầu của tổ chức thanh niên quy định tại Luật này.

C. Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm đối thoại với thanh niên ít nhất mỗi năm một lần về các vấn đề liên quan đến thanh niên; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân có trách nhiệm đối thoại với thanh niên theo yêu cầu của tổ chức thanh niên quy định tại Luật này.

D. Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm đối thoại với thanh niên ít nhất mỗi năm hai lần về các vấn đề liên quan đến thanh niên; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân có trách nhiệm đối thoại với thanh niên theo yêu cầu của tổ chức thanh niên quy định tại Luật này.

**Câu 117: *“Rèn luyện đạo đức, nhân cách, lối sống văn hóa, ứng xử văn minh; có trách nhiệm công dân, ý thức chấp hành pháp luật; phòng, chống tiêu cực, tệ nạn xã hội, hành vi trái pháp luật và đạo đức xã hội”* là trách nhiệm của Thanh niên đối với?**

1. Đối với bản thân
2. Đối với gia đình
3. Đối với nhà nước và xã hội
4. Đối với Tổ quốc

**Câu 118: *“Ưu đãi, hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo của thanh niên; tham gia đào tạo kỹ năng sống và kỹ năng cần thiết khác cho thanh niên”* là chính sách nào của Nhà nước đối với Thanh niên?**

1. Chính sách về lao động, việc làm
2. Chính sách về học tập và nghiên cứu khoa học
3. Chính sách đối với thanh niên có tài năng
4. Chính sách về khởi nghiệp, lập nghiệp

**Câu 119. Theo Luật Thanh niên hiện nay có bao nhiêu nội dung quản lý nhà nước về Thanh niên?**

1. 06 nội dung
2. 07 nội dung
3. 08 nội dung
4. 09 nội dung

**Câu 120: *“Sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ độc lập, giữ vững chủ quyền, an ninh quốc gia, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; đảm nhận công việc khó khăn, gian khổ, cấp bách khi Tổ quốc yêu cầu”* là trách nhiệm của Thanh niên đối với?**

1. Đối với bản thân
2. Đối với gia đình
3. Đối với nhà nước và xã hội
4. Đối với Tổ quốc

**Câu 121: Đâu là nội dung của chính sách về văn hóa, thể dục, thể thao?**

1. Khuyến khích, hỗ trợ thanh niên tham gia hoạt động và sáng tạo trong văn hóa, thể dục, thể thao.
2. Tạo điều kiện cho thanh niên tích cực tham gia giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.
3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức và bảo vệ sự an toàn của thanh niên trên không gian mạng
4. Tất cả các đáp án trên đều đúng

**Câu 122: Chính sách nào sau đây không phải là một chính sách của Nhà nước đối với thanh niên?**

1. Chính sách đối với thanh niên xung phong.
2. Chính sách đối với thanh niên tài năng.
3. Chính sách đối với thanh niên từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi.
4. Tất cả đáp án trên đều sai.

**Câu 123: Theo Luật Thanh niên hiện nay nhà nước có bao nhiêu chính sách đối với thanh niên?**

1. 9 chính sách
2. 10 chính sách
3. 11 chính sách
4. 12 chính sách

**Câu 124: *“Vận động thành viên của mình tạo điều kiện để thanh niên học tập, lao động, tham gia hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, phát triển thể lực, trí tuệ; bồi dưỡng đạo đức, truyền thống dân tộc, ý thức công dân; đi đầu trong công cuộc lao động sáng tạo và bảo vệ Tổ quốc”* là trách nhiệm của đơn vị nào?**

1. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
2. Trách nhiệm của tổ chức xã hội
3. Trách nhiệm của tổ chức kinh tế
4. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục

**Câu 125: *“Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành chính sách, pháp luật về thanh niên; chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển thanh niên”* là trách nhiệm của cá nhân, tổ chức nào?**

1. Trách nhiệm của Chính phủ
2. Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang bộ
3. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ
4. Trách nhiệm của hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

**Câu 126: Chương trình phát triển thanh niên Quận 1 giai đoạn 2023-2030 được ban hành kèm theo Quyết định số 2745/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 1 có bao nhiêu mục tiêu?**

1. 5 mục tiêu
2. 6 mục tiêu
3. 7 mục tiêu
4. 8 mục tiêu

**Câu 127: Chương trình phát triển thanh niên Quận 1 giai đoạn 2023-2030 được ban hành kèm theo Quyết định số 2745/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 1 có bao nhiêu giải pháp?**

1. 12 giải pháp
2. 13 giải pháp
3. 14 giải pháp
4. 15 giải pháp

**Câu 128: Mục tiêu tổng quát của Chương trình phát triển thanh niên Quận 1 giai đoạn 2021-2030 là gì?**

1. Xây dựng thế hệ thanh niên Quận 1 phát triển toàn diện, giàu lòng yêu nước, có ý chí tự cường, tự hào dân tộc; có lý tưởng cách mạng, hoài bão, khát vọng vươn lên xây dựng đất nước;
2. Xây dựng thế hệ Xây dựng thế hệ thanh niên Quận 1có đạo đức ý thức công dân, chấp hành pháp luật; có sức khỏe và lối sống lành mạnh; có văn hóa, kiến thức, trình độ học vấn, kỹ năng thực hành xã hội, nghề nghiệp và việc làm; có ý chí lập thân, lập nghiệp, năng động, sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ.
3. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước và hội nhập quốc tế. Phát huy tinh thần cống hiến, xung kích, tình nguyện và nâng cao trách nhiệm của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
4. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

**Câu 129: Đâu là nội dung của mục tiêu tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; cung cấp thông tin về tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho thanh niên?**

1. Đến năm 2030, trên 80% thanh niên được tuyên truyền, phổ biến, cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật thông qua các ứng dụng pháp luật trực tuyến, mạng xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng.
2. Hàng năm, 100% thanh niên là học sinh được giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kiến thức pháp luật, kinh tế, khoa học công nghệ, hội nhập quốc tế; kỹ năng sống và kỹ năng mềm; giáo dục hướng nghiệp và định hướng nghề nghiệp.
3. Đến năm 2030, phấn đấu 20% thanh niên trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội được đưa vào quy hoạch lãnh đạo cấp quận, phường; có ít nhất 10% thanh niên trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo, quản lý.
4. Hàng năm, 100% thanh niên được tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về chính trị, tư tưởng, giáo dục về truyền thống yêu nước và cách mạng với nội dung và hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật.

**Câu 130: Đâu là mục tiêu phát huy vai trò của thanh niên trong tham gia phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc?**

1. Đến năm 2030, ít nhất 70% thanh niên sử dụng thành thạo các phương tiện kĩ thuật số phục vụ mục đích giao tiếp, truyền thông, kinh doanh trên nền tảng kinh tế số.
2. Đến năm 2030, phấn đấu 20% thanh niên trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội được đưa vào quy hoạch lãnh đạo cấp quận, phường; có ít nhất 10% thanh niên trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo, quản lý.
3. Đến năm 2030, có ít nhất 70% thanh niên là người khuyết tật, người nhiễm HIV, người sử dụng ma túy, thanh niên vi phạm pháp luật được bồi dưỡng kỹ năng thực hành xã hội, lao động và hòa nhập cộng đồng. Phấn đấu tạo việc làm ổn định cho 20% thanh niên là người khuyết tật, người nhiễm HIV, người sau cai nghiện, sau cải tạo.
4. Hàng năm, bồi dưỡng nâng cao năng lực về quản lý nhà nước, kỹ năng công tác cho ít nhất 60% cán bộ, công chức trẻ (đặc biệt là đội ngũ cán bộ trẻ cấp phường)

**Câu 131: Đâu là mục tiêu nâng cao lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá cho thế hệ trẻ giai đoạn từ năm 2023 đến năm 2030?**

A. Hàng năm, 100% thanh niên được tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về chính trị, tư tưởng, giáo dục về truyền thống yêu nước và cách mạng với nội dung và hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật.

B Hàng năm, 100% thanh niên trong độ tuổi quy định của pháp luật, có đủ năng lực hành vi dân sự sẵn sàng tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự và lực lượng dân quân tự vệ.

C. Hàng năm, trên 80% thanh niên được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, hoạt động sinh hoạt cộng đồng ở nơi học tập, làm việc và cư trú.

D. Hàng năm, có ít nhất 80% thanh niên được cung cấp thông tin và tiếp cận các dịch vụ thân thiện về tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục; 90% cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; 100% nữ thanh niên được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản.

**Câu 132: Giải pháp nào sau đây không nằm trong các giải pháp trọng tâm trong chương trình phát triển thanh niên giai đoạn 2023-2030?**

1. Tăng cường sự hỗ trợ, quan tâm tạo điều kiện của chính quyền đối với Đoàn Thanh niên Quận 1 và công tác thanh niên
2. Đồng hành, hỗ trợ thanh niên học tập, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo
3. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho thanh niên
4. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong thực hiện Chương trình phát triển thanh niên Quận 1

**Câu 133: Đâu là nội dung trong giải pháp *“Phát huy vai trò Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Quận 1, Quận đoàn 1, các tổ chức chính trị - xã hội và thanh niên trên địa bàn quận”* ?**

A. Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và tổ chức thực hiện Chương trình phát triển thanh niên Quận 1.

B. Hoàn thiện hệ thống thông tin và chế độ báo cáo thống kê về thanh niên quận; nâng cao chất lượng dự báo xu hướng phát triển thanh niên trong từng giai đoạn cụ thể, làm cơ sở để đánh giá việc thực hiện và hoạch định chính sách, pháp luật đối với thanh niên.

C. Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của Quận đoàn và Đoàn 10 phường; Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam quận nhằm phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và phát triển Quận 1.

D. Tạo điều kiện để Quận đoàn 1, các tổ chức thanh niên do Quận đoàn 1 làm nòng cốt mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác với các tổ chức thanh niên trong khu vực và trên thế giới. Phát huy vai trò của tổ chức Đoàn trong công tác thông tin, tuyên truyền vận động thanh niên và người Việt Nam ở nước ngoài hướng về xây dựng Quận 1.

**Câu 134: Trang bị kiến thức, kỹ năng ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng anh cho thanh niên là mục tiêu của chương trình phát triển thanh niên được xác định trong giai đoạn nào?**

A. Giai đoạn 2022-2030

B. Giai đoạn 2023-2030

C. Giai đoạn 2024-2030

D. Giai đoạn 2025-2030

**Câu 135: Đây là nội dung giải pháp chăm lo đời sống văn hóa, tinh thần cho thanh niên?**

1. Tạo môi trường và điều kiện để khuyến khích thanh niên tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, hoạt động sinh hoạt cộng đồng ở nơi học tập, làm việc và cư trú.
2. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho thanh niên được cung cấp thông tin, tiếp cận dịch vụ thân thiện về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục; được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tư vấn sức khỏe hậu Covid-19. Trang bị hồ sơ, dữ liệu sức khỏe điện tử cho thanh niên.
3. Nâng cao nhận thức của thanh niên về chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; tạo điều kiện để thanh niên tham gia các hoạt động hợp tác, giao lưu quốc tế về thanh niên.
4. Đẩy mạnh việc giáo dục truyền thống cách mạng, lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc gắn với bồi đắp lý tưởng cách mạng cho thanh niên; giáo dục lịch sử, truyền thống dân tộc; công tác “Đền ơn đáp nghĩa”, tổ chức hoạt động biểu diễn, giới thiệu âm nhạc dân tộc, sử ca, nhạc truyền thống cách mạng trong đoàn viên, thanh niên.

**Câu 136: Nội dung *“Hàng năm, 100% thanh niên được tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về chính trị, tư tưởng, giáo dục về truyền thống yêu nước và cách mạng với nội dung và hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật”* là nội dung của mục tiêu nào?**

1. Nâng cao lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá cho thế hệ trẻ giai đoạn từ năm 2023 đến năm 2030
2. Phát huy vai trò của thanh niên trong tham gia phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc
3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; cung cấp thông tin về tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho thanh niên
4. Giáo dục, nâng cao kiến thức, kỹ năng; tạo điều kiện để thanh niên bình đẳng về cơ hội học tập, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo

**Câu 137: Nội dung *“Đến năm 2030, phấn đấu 75% thanh thiếu nhi được tiếp cận các hoạt động nâng cao năng lực số do tổ chức Đoàn, Hội, Đội cấp quận, phường triển khai thực hiện. 75% thanh niên sử dụng dịch vụ công trực tuyến, 85% thanh niên sử dụng tài khoản thanh toán điện tử”* là nội dung của mục tiêu nào sau đây?**

1. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề và tạo việc làm bền vững cho thanh niên; phát triển nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao
2. Giáo dục, nâng cao kiến thức, kỹ năng; tạo điều kiện để thanh niên bình đẳng về cơ hội học tập, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo
3. Phát huy vai trò của thanh niên trong tham gia phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc
4. Nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho thanh niên

**Câu 138: Nội dung *“Đẩy mạnh việc giáo dục truyền thống cách mạng, lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc gắn với bồi đắp lý tưởng cách mạng cho thanh niên; giáo dục lịch sử, truyền thống dân tộc; công tác “Đền ơn đáp nghĩa”, tổ chức hoạt động biểu diễn, giới thiệu âm nhạc dân tộc, sử ca, nhạc truyền thống cách mạng trong đoàn viên, thanh niên”* thuộc nội dung nào trong chương trình phát triển thanh niên Quận 1 giai đoạn 2023 – 2030?**

1. Mục tiêu nâng cao lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá cho thế hệ trẻ giai đoạn từ năm 2023 đến năm 2030
2. Giải pháp về giáo dục, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước và đạo đức, lối sống, văn hóa cho thanh niên
3. Mục tiêu nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho thanh niên
4. Giải pháp chăm lo đời sống văn hóa, tinh thần cho thanh niên

**Câu 139: Nội dung *“Triển khai thực hiện Đề án “hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp”; thực hiện phong trào thi đua “Thanh niên Quận 1 Khởi nghiệp - Lập nghiệp” giai đoạn 2023 - 2027; hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp gắn với chuyển đổi số, chính sách đặc thù hỗ trợ nhóm thanh niên dễ bị tổn thương”* thuộc nội dung nào trong chương trình phát triển thanh niên Quận 1 giai đoạn 2023 – 2030?**

1. Mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo nghề và tạo việc làm bền vững cho thanh niên; phát triển nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao
2. Giải pháp đồng hành, hỗ trợ thanh niên học tập, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo
3. Mục tiêu giáo dục, nâng cao kiến thức, kỹ năng; tạo điều kiện để thanh niên bình đẳng về cơ hội học tập, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo
4. Đào tạo nghề, tư vấn và giải quyết việc làm cho thanh niên

**Câu 140: Nội dung *“Đến năm 2030, ít nhất 70% thanh niên sử dụng thành thạo các phương tiện kĩ thuật số phục vụ mục đích giao tiếp, truyền thông, kinh doanh trên nền tảng kinh tế số”* thuộc nội dung nào trong chương trình phát triển thanh niên Quận 1 giai đoạn 2023 – 2030?**

1. Nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho thanh niên
2. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề và tạo việc làm bền vững cho thanh niên; phát triển nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao
3. Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao
4. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong thực hiện Chương trình phát triển thanh niên Quận 1